

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|---------------------------------|
| 1. Đặc tính kỹ thuật, số lượng của hàng hóa | | |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật, số lượng của hàng hóa... | Tất cả hàng hóa cung cấp có số lượng, chủng loại, kỹ thuật, catalog đáp ứng yêu cầu tại Bảng Phạm vi cung cấp và Chương V của HSMT Nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ, thời hạn sử dụng rõ ràng | Đạt |
| | Một trong các (hoặc tất cả) hàng hóa cung cấp có số lượng, chủng loại, kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu tại Bảng Phạm vi cung cấp và Chương V của HSMT. Không nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ, thời hạn sử dụng rõ ràng | Không đạt |
| 2. Tiêu chuẩn chất lượng của sản xuất, cung cấp hàng hóa | | |
| Tiêu chuẩn chất lượng của sản xuất, cung cấp hàng hóa. | Nhà thầu là nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc có hợp đồng mua bán, giấy ủy quyền với đơn vị sản xuất, cung cấp có đầy đủ các yêu cầu sau: + Có nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa, + Sản phẩm phải được công nhận lưu hành tại Việt Nam. (Đính kèm tài liệu chứng minh) | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa | | |
| Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa | Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. | Đạt |
| | Không có hoặc có nhưng không phù hợp các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. | Không đạt |
| 4. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường | | |
| Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường | Có cam kết Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý | Đạt |
| | Không cam kết Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý | Không đạt |
| 5. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết | | |
| | Có cam kết Hàng hóa không gây ô nhiễm môi | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết | trường không khí, nước | |
| | Không có cam kết Hàng hóa gây ô nhiễm môi trường không khí, nước nhưng không có biện pháp giải quyết | Không đạt |
| 6. Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo, chuyển giao công nghệ | | |
| Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo, chuyển giao công nghệ | Có cam kết bố trí hướng dẫn sử dụng, bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng tối đa 01 ngày, kế hoạch bố trí hướng dẫn sử dụng(gửi ảnh, bằng cấp căn cước công dân của kỹ thuật dự kiến) | Đạt |
| | Không có cam kết và kế hoạch bố trí, kỹ thuật hướng dẫn sử dụng lắp đặt sau ngày bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng > 01 ngày | Không đạt |
| 7. Yêu cầu về bảo hành | | |
| Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành | Có cam kết bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày thanh lý hợp đồng | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| Thời gian khắc phục các hư hỏng, sai sót | Có cam kết, tài liệu chứng minh thời gian khắc phục các hư hỏng, sai sót, cung cấp hàng hóa thay thế trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của chủ đầu tư, có cam kết kèm tên người phụ trách, số điện thoại, địa chỉ liên hệ 24/24. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 8. Tiến độ cung cấp hàng hóa: | | |
| Tiến độ cung cấp hàng hóa | Giao hàng 01 lần trong vòng 03 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 9. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua tài liệu dự thầu | Nhà thầu cam kết luôn sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ công tác xác thực của Chủ đầu tư Cam kết sẵn sàng mang hàng hóa mẫu đến đối chiếu trong quá trình đánh giá, thương thảo | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|--|
| | Nhà thầu không cam kết luôn sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ công tác xác thực của Chủ đầu tư, không có Cam kết sẵn sàng mang hàng hóa mẫu đến đối chiếu trong quá trình đánh giá, thương thảo | Không đạt |
| Lịch sử về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong thời gian tính từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu | Nhà thầu cam kết không có tên trong danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm bị công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu từ 02 lần trở lên với các lỗi sau đây: - Vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu; - Vi phạm về chất lượng của hàng hóa bao gồm sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng và các yếu tố khác có liên quan đến vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng; - Vi phạm hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. | Đạt |
| | Nhà thầu không có cam kết hoặc có nhưng không cam kết đầy đủ hoặc có tài liệu chứng minh kết quả thực hiện hợp đồng có một trong các vi phạm nêu trên | Không đạt |
| Kết luận: | | |
| Cả các tiêu chuẩn trên đều xác định là “đạt” | | Đạt |
| Một trong các tiêu chuẩn trên được xác định là “không đạt” | | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Chọn phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.